TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14 -01-2021.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Đoàn Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Miên và bà Vũ Thị Thủy;

- Thư ký phiên toà: ông Phạm Hoàng Thanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *huyện Cẩm Giàng tham gia phiên toà*: bà Tống Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 257/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Hoàng Thị O**, sinh năm 1985;

ĐKHK: thôn CN, xã TT, huyện TH, tỉnh HD;

Nơi cư trú: thị trấn C, huyện CG, tỉnh HD.

2. Bị đơn: anh **Bùi Đình H**, sinh năm 1982;

ĐKHKvà cư trú: thị trấn C, huyện CG, tỉnh HD;

3. Người làm chứng: bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1951; cư trú tại thị trấn C, huyện CG, tỉnh HD;

(Chị O có mặt; anh H và bà P vắng mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29-10-2020, bản tự khai, nguyên đơn chị Hoàng Thị O trình bày: chị và anh Bùi Đình H tự do tìm hiểu và chung sống như vợ chồng từ năm 2015 tại gia đình anh H. Đến ngày 17-01-2018, mới đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện CG và tiếp tục chung sống đến tháng 10/2019 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không tìm được

tiếng nói chung. Chị nhận thấy không còn tình cảm với anh H nên đã dọn ra ngoài thuê trọ từ tháng 11/2019. Có vài lần anh H tìm đón chị nhưng chị không về, anh H xúc phạm đe dọa gây áp lực cho chị. Chị xác định không thể quay về tiếp tục chung sống với anh H, đề nghị Tòa giải quyết cho chị ly hôn.

Về con chung: chị xác định chị và anh H có 01 con chung là Bùi Hoàng Nhã Uyên, sinh ngày 12-11-2015; từ khi ly thân con chung ở với chị. Chị đề nghị được tiếp tục nuôi con sau ly hôn đến khi con chung thành niên hoặc khi chị và anh H có yêu cầu khác. Chị tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức: chị không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đến Tòa để hướng dẫn viết bản tự khai, lấy lời khai; thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Bùi Đình H nhưng anh H đều không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập; từ chối làm việc với Cán bộ Tòa án khi lấy lời khai.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14-12-2020, bà Nguyễn Thị P (mẹ đẻ anh H) trình bày: chị O và anh H chung sống có con chung từ năm 2015 nhưng đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn. Gia đình bà chỉ quan tâm đến con trai và cháu, còn cá nhân chị O bà coi như không có vì chị O không tôn trọng bà, đi không một lời hỏi về không một lời chào nên việc chị O yêu cầu ly hôn là quyền của chị. Anh H ở được với chị O thì ở, không ở được thì ly hôn; gia đình bà không quan tâm. Anh H chị O có 01 con gái chung, nếu chị O không nuôi thì gia đình bà sẽ nuôi. Vợ chồng chị O không vay nợ gia đình bà và gia đình bà không nợ anh chị.

Người hàng xóm nơi ở của chị O anh H xác nhận: chị O anh H chung sống với nhau từ nhiều năm; có vẻ gia đình anh H không đồng ý, không chấp nhận chị O nên trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Từ cuối năm 2019 mẹ con chị O chuyển ra ngoài thuê phòng trọ. Anh H không làm gì và đi suốt ngày, đi đâu không ai biết. Mọi người đều nhìn thấy cuộc hôn nhân của anh H chị O là không bền vững, không có tương lai nên chị O yêu cầu ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết để người phụ nữ đỡ thiệt thòi.

Biên bản xác minh ngày 14-12-2020, UBND thị trấn C cung cấp: anh Bùi Đình H và chị Hoàng Thị O chung sống từ năm 2015 tại khu dân cư thị trấn, có 01 con chung nhưng không đăng ký khai sinh tại thị trấn. Đến năm 2018 thì anh H chị O mới làm thủ tục đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống anh chị thường xuyên xảy ra

đánh cãi nhau. Anh H là đối tượng sử dụng ma túy nên thường xuyên vắng nhà, không chấp hành mọi quy định của địa phương về nơi cư trú khu dân cư. Hiện tại chị O đã dọn ra phòng trọ sống ly thân anh H; anh H lúc thì về nhà với mẹ đẻ còn lại đều vắng mặt tại địa phương. Cơ bản cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh H là không có hạnh phúc. Hiện tại anh chị đang sống ly thân, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 21-12-2020, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H không có mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Chị O đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa.

Tại phiên tòa: chị O giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị được ly hôn anh H; đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; chị không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ "phải có mặt theo giấy triệu tập của tòa án", vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Hoàng Thị O ly hôn anh Bùi Đình H.
- Về con chung: giao cháu Bùi Hoàng Nhã Uyên, sinh ngày 12-11-2015 cho chị O nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị O không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.
- Về án phí: chị O phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: chị Hoàng Thị O có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giải

quyết ly hôn anh Bùi Đình H, đồng thời giải quyết về con chung của vợ chồng khi ly hôn vì chị và anh H không thể thỏa thuận được với nhau; đây là những tranh chấp phát sinh trong hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh Bùi Đình H đăng ký hộ khẩu và hiện tại cư trú ở thị trấn C, huyện CG, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

Người tham gia tố tụng: anh Bùi Đình H là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: chị Hoàng Thị O và anh Bùi Đình H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện CG, tỉnh HD vào năm 2018 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung; anh H là đối tượng chơi bời, không quan tâm vợ con, chăm lo cuộc sống gia đình. Việc anh H sử dụng ma túy cũng là nguyên nhân làm ảnh hưởng đến kinh tế và tình cảm vợ chồng. Anh H biết việc Tòa án thụ lý đơn khởi kiện ly hôn, biết việc Tòa án đến gia đình làm việc nhưng cố tình lẩn tránh không đến Tòa án làm việc đưa ra quan điểm ý kiến của mình; như vậy là anh H không có sự thiện chí níu kéo cuộc hôn nhân này. Xác định không còn biện pháp nào để khắc phục được tình trạng mâu thuẫn và ly thân của vợ chồng hiện nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân của chị O anh H không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại; chị O yêu cầu ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan hệ con chung: chị O và anh H có 01 con chung là Bùi Hoàng Nhã Uyên, sinh ngày 12-11-2015. Từ khi chị O anh H sống ly thân, cháu Uyên vẫn ở cùng chị. Xét thấy hiện nay anh H không có nghề nghiệp, không có nhu nhập, thường xuyên vắng mặt tại địa phương nên việc giao con chung cho anh H chăm sóc nuôi dưỡng sau khi ly hôn là không phù hợp. Trong khi chị O là người đang trực tiếp nuôi con, chị làm nghề bán hàng ăn, có thu nhập bình quân từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ/tháng và có nơi ở ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con phát triển tốt về mọi mặt. Việc chị O xin được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung trong điều kiện như hiện nay là phù hợp và phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Để đảm bảo về quyền lợi

mọi mặt của con chung sau ly hôn, HĐXX giao cháu Bùi Hoàng Nhã Uyên cho chị O có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng;

Xét việc chị O không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con là tự nguyện, không trái đạo đức, xã hội; HĐXX chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: chị O không yêu cầu giải quyết. Anh H biết việc Tòa án thu thập chứng để giải quyết các quan hệ hôn nhân của anh chị nhưng cũng không có ý kiến, được coi là không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không phải giải quyết;

[3] Về án phí: chị O là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ vợ chồng: xử cho chị Hoàng Thị O ly hôn anh Bùi Đình H

Về quan hệ con chung: Giao con chung Bùi Hoàng Nhã Uyên, sinh ngày 12-11-2015 cho chị Hoàng Thị O tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn đến khi con chung thành niên hoặc khi chị O, anh H có yêu cầu khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị O về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị O.

Về án phí: chị Hoàng Thị O phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mà chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2018/0000240 ngày 17-11-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Chị O đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Về quyền kháng cáo: chị O có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cẩm Giàng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng
- Đương sự;
-UBND TT C ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã ký

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Thúy